

CHÍNH TRI KIẾN

1. Dẫn nhập:

Trên bước đường tu tập, có những lúc chúng ta thật sự bị hụt hẫng và không biết nương tựa vào đâu khi đối diện với hiện thực của cuộc sống, trong đạo cũng như ngoài đời, nơi con người hoặc nơi sách vở. Có đôi khi ta tự hỏi phải theo ai, phải tin vào đâu bây giờ? Mỗi người tu tập một pháp môn, có một quan điểm, một lý tưởng... khác nhau, khiến cho chúng ta, nhất là giới Phật tử mới vào đạo, cảm thấy băng khuâng khi lựa chọn cách hành trì và tìm thầy nương tựa. Có những lúc chúng ta mất định hướng, không xác định được hướng đi cho tương lai mình. Vì sao vậy? Vì thiếu nhận thức chân chính, hay thiếu lập trường Chính kiến. Nhưng đâu là con đường nhận thức chân chính?

Điều lo ngại đó của chúng ta hôm nay thật đúng như sự tiên đoán của Bồ tát Phổ Giác trong hội kinh Viên Giác, khi Ngài nhớ nghĩ đến chúng sanh thời kỳ mạt pháp, không biết nương tựa vào đâu để tu tập, nên tha thiết hỏi đức Thế Tôn:

“Thưa đức Thế Tôn, những người thời kỳ cuối cùng cách thời đại của Ngài quá xa, hiền thánh ẩn dấu, lý thuyết sai lầm bùng cháy thêm lên; để làm cho những người mù mờ trong thời kỳ ấy khỏi sa vào lý thuyết sai lầm, con xin Ngài dạy cho họ biết nên tìm người nào? Nên cứ pháp nào? Nên làm việc gì? Nên trừ bệnh gì? Nên phát tâm nào?”.

(Kinh Viên Giác, chương Phổ Giác)

Đồng cảm với tâm sự của Bồ tát Phổ Giác, đức Thế Tôn ân cần chỉ dạy:

*“Tốt lắm thiện nam tử! Ông có thể hỏi Như lai về sự tu hành như vậy, khiến cho những người thời kỳ cuối cùng con mắt tuệ giác không còn e sợ, làm cho họ thành tựu được tuệ giác của các vị thánh giả. Thiện nam tử, vào thời kỳ cuối cùng, khi xấp phát tâm vĩ đại và tìm thầy bạn tốt để tu hành, thì nên tìm người **thấy biết chính xác**”(sdd).*

Thế nào là người **thấy biết chính xác**? Đó chính là người có Chính tri kiến, kinh nói: *“Là người không sống theo khuôn khổ phạm phu, không vướng vào nhị thừa, biểu hiện bụi bặm mà tâm thường trong sáng, biểu diễn tội lỗi mà tán dương phạm hạnh, không làm cho người sống không giới luật”.* Đây là mẫu người lý tưởng để cho chúng ta nương tựa và học tập theo. Tìm được người như vậy thì được tuệ giác vô thượng. Gặp được người như vậy thì phụng sự đến mất tính mạng cũng không tiếc.

Như vậy, con đường nhận thức chân chính, theo Phật giáo, đó là Chính kiến hay Chính tri kiến, chi phần đầu tiên trong Bát chính đạo.

2. Định nghĩa:

2.1. Chính kiến là gì?

Là nhận thức đúng đắn, ngay thẳng, chân chính; là sự hiểu biết sáng suốt và hợp lý. Nhận thức này có tác dụng đưa con người thoát khỏi lối sống mê lầm, điên đảo. Người có Chính kiến thấy như thế nào thì nhận đúng như thế ấy, không đổi trắng thay đen, không kỳ thị xấu tốt, không phê phán hay dờ. Chính kiến là sự hiểu biết và nhận thức không bị tập quán, thành kiến, dục vọng hay tâm phân biệt ngăn che và làm sai lạc.

Theo Phật giáo, Chính kiến hay Chính tri kiến, tiếng Phạn samyag-dṛṣṭi, có nghĩa là nhận thức đúng đắn về định luật nhân quả ở thế gian và xuất thế gian; bằng trí tuệ hữu lậu hoặc vô lậu, thẩm định đúng đắn về tánh và tướng của các pháp, xa lìa nhận thức nhị nguyên.

Định nghĩa theo truyền thống kinh tạng Nikàya và A-hàm thì, Chính kiến là thấy rõ Tứ thánh đế, thấy rõ Duyên khởi, thấy các pháp vô ngã.

Chính kiến còn được ngài Xá-lợi-phất định nghĩa một cách rất đơn giản: phân biệt được bốn loại thức ăn là Chính kiến; phân biệt được thiện và bất thiện là Chính kiến; thấy được Chính tư duy, Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính mạng, Chính tinh tấn, Chính niệm và Chính định là Chính kiến.

Tóm lại, Chính kiến là nhận chân được sự thật của cuộc đời, thấy được bản chất thực tướng của các pháp. Sự thật của cuộc đời hay bản chất của các pháp là gì? Là duyên sinh, vô ngã. Đó là nhận thức về thế giới và nhân sinh của Phật giáo.

Trước hết, Chính kiến là thấy được lý nhân quả. Chúng ta ai cũng biết “gieo nhân nào gặt quả nấy”. Gieo dưa được dưa, gieo cam được cam. Không bao giờ có chuyện gieo dưa mà được cam, hay ngược lại. Không bao giờ có quả mà không có nhân. Có mây mới có mưa, có lửa mới có khói, gieo gió thì gặp bão... không thể nào tự nhiên có cái cây mọc lên mà không có hạt giống trong đất. Không thể có chuyện tự nhiên người ta đến chửi mình mà mình chẳng có gây chuyện gì hết, trong kiếp này hay kiếp trước! Đó là lý nhân quả hay còn gọi là lý nhân duyên. Nhận rõ được quả báo của hành vi, ngôn ngữ và ý niệm của chính mình như vậy, chúng ta sẽ không trách người, trách trời, trách đất gì hết, chỉ biết trách mình, cho nên không còn khổ đau nữa. Trái lại, chúng ta sẽ tích cực tu tâm dưỡng tánh, làm sao cho mỗi ngày mỗi tốt đẹp hơn, để cuộc đời được sáng sủa hơn, gia đình được hạnh phúc hơn.

Tuy nhiên, một nhân không bao giờ đưa đến quả. Gieo bắp thì được bắp, nhưng để từ nhân là hạt bắp trở thành quả là trái bắp cần phải có đất, nước, ánh sáng, nhân công, thời gian... Vì vậy, để có được trái bắp, ngoài cái nhân chính là hạt bắp, còn có rất nhiều yếu tố khác mà chúng ta gọi là duyên, và vì nhiều duyên quá cho nên đạo Phật mới nói “trùng trùng duyên khởi”. Thật vậy, vũ trụ vạn hữu đã nắm tay nhau để đưa chúng ta ra đời. Làm sao chúng ta có thể nói được rằng sự hiện hữu của chúng ta đây lại không có mặt của ngọn cây lá cỏ vô tình kia? Đó là cái nhìn, cái nhận thức Chính kiến. Thứ nhận thức này đã đánh tan mọi tư duy hữu ngã – nguyên do của khổ đau sanh tử luân hồi – để đạt đến tuệ giác vô ngã, thấy mình với tha nhân là một, thấy mình với vũ trụ vạn hữu không thể tách rời nhau. Đó là tuệ giác giải thoát. Đó là nhận thức Chính kiến duy nhất đem đến hoà bình và hạnh phúc cho nhân loại.

Không có sự hiện hữu nào lại không có duyên do của nó. Con cái không có tình thương đậm đà, nguyên do cha mẹ không thường xuyên chăm sóc, gần gũi. Thiên hạ thù ghét nhau, nguyên do lời nói khó nghe. Vợ chồng lục đục, nguyên do thiếu sự cảm thông, thiếu sự hiểu biết, thiếu sự hoà hợp. Ngoài ra còn có bao nhiêu nguyên do khác nữa. Cho nên, thấy được nhân quả là thấy rằng mọi khổ đau hệ lụy trong cuộc đời này (Khổ đế) đều có nguyên do của nó (Tập đế). Chẳng hạn, nhiệt độ trái đất ngày mỗi nóng dần lên, hạn hán khắp nơi và có nguy cơ dẫn đến sự tan băng ở hai cực của trái đất, làm nên một trận đại hồng thủy là một sự thật đang gây nỗi sợ hãi cho nhân loại trên khắp hành tinh này (Khổ đế). Sự thật phủ phàng đang ngày đêm đe dọa sự sống của con người đó không phải tự nhiên mà có, lại càng không phải do Thượng đế hay một đấng thần linh đầy quyền năng nào đó trừng phạt con người, mà nó có nguyên do. Nguyên do đó chính là con người. Con người đã tàn phá thiên nhiên bằng cách đốt phá rừng bừa bãi và thải hàng ngàn tấn khí đốt ra bầu khí quyển mỗi ngày chính là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng ENINO này (Khổ tập).

Làm thế nào để có được cuộc sống an lạc hạnh phúc? Làm thế nào để tránh khỏi hiểm hoạ nêu trên? Dĩ nhiên, khi chúng ta đã thấy khổ và nguyên nhân của khổ rồi, thì việc chấm dứt khổ đau (Khổ diệt) và phương cách để thực hiện điều đó (Đạo đế) chúng ta cũng đã thấy được. Đó chính là ngay từ bây giờ, nhân loại cần phải ý thức và ngừng hẳn việc đốt phá rừng bừa bãi và hạn chế tối đa sự thải khí đốt ra bầu khí quyển, tức là phải xây dựng một đời sống Chính nghiệp và Chính mạng. Để đảm bảo đời sống của mình mà làm tổn thương đến sự sống và môi trường sống của loài khác là tà mạng, tà nghiệp. Con người đã làm ra khổ đau thì cũng chỉ có con người mới chấm dứt được nó. Đây là nhận thức Chính kiến về lý nhân quả, về Bốn sự thật vậy.

Thấy được lý nhân quả là Chính kiến. Thấy được mọi sự vật hiện tượng đều do nhân duyên sinh là Chính kiến. Và biết rằng, có sinh ắt có diệt là nhận thức Chính kiến. Nghĩa là thấy được muôn sự muôn vật trên thế gian này đều không tồn tại vĩnh viễn. Trong kinh Kim Cương đức Phật dạy: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Nghĩa là bất cứ vật nào có hình tướng, lớn như quả núi, toà nhà, nhỏ như tấm thân chúng ta, như hạt cải, hạt cát, tất cả đều hư vọng, là ảo ảnh của tâm thức. Nói hư vọng không có nghĩa là phủ định sự hiện hữu, nhưng nó hiện hữu theo sự tiếp nối sinh diệt tương tục trong nguyên lý nhân – duyên – quả.

2.2. Phân biệt với tà kiến:

Ngược lại với Chính kiến là Tà kiến. Tà kiến là những nhận thức sai lầm như thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến và tà kiến.

Thân kiến, sat-kāya-dṛṣṭi, là tự chấp rằng có ngã, có cái ta (ngã kiến) và cái của ta (ngã sở kiến). Biên kiến, anta-grāha-dṛṣṭi, là nhận thức cực đoan, cho rằng thế giới là thường tồn (thường kiến) hoặc sau khi chết là hết (đoạn kiến). Kiến thủ kiến, dṛṣṭi-parāmarśa, là giữ chặt những quan điểm, nhận thức sai lầm mà cứ cho là đúng. Giới cấm thủ kiến, śīla-vrata-parāmarśa, là giữ những giới luật sai lầm, không có tác dụng giải thoát khổ đau. Tà kiến, mithyā-dṛṣṭi, là phủ định nhân quả, không tin Tam bảo, phủ định nguyên lý duyên khởi.

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một cư sĩ tên là Citta, hỏi rằng: “Do nhân gì mà những tà kiến xuất hiện?” Tỷ kheo Isidatta đã trả lời: “Tà kiến khởi lên là do tin tưởng thật có một cái tôi, gọi là ngã kiến hay thân kiến”.

Cư sĩ Citta hỏi tiếp: “Ngã kiến hay thân kiến do đâu mà có?”.

“Phàm phu do không học tập Phật pháp, thường xem năm uẩn – tức những yếu tố vật lý (sắc) và tâm lý (thọ, tưởng, hành, thức) nơi một con người – là cái tôi và của tôi, do đó tạo nên một cái ngã tưởng tượng, đó gọi là thân kiến hay ngã kiến”.

Nói một cách tổng quát, cuộc đời là vô thường, duyên sinh, vô ngã, mà cho là thường hằng, hữu ngã là tà kiến. Mọi sự mọi vật đều vận hành theo nguyên lý duyên sinh, có nhân ắt có quả, nghiệp nhân thì sinh nghiệp quả, mà phủ định nguyên lý này là tà kiến. Tin vào Thượng đế tạo ra thế giới và con người, tin vào thuyết định mệnh, tin hạnh phúc hay khổ đau đều do Thượng đế an bài... đều là những nhận thức sai lầm, tà kiến.

2.3. Phân loại Chính kiến:

Theo *Tạp A-hàm*, quyển 28: “Có hai loại Chính kiến: Chính kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện; Chính kiến thuộc về xuất thế gian của bậc thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là Chính kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí, có trì giới, có hành thập thiện, có quả báo nhân quả,... cho đến biết thế gian có A-la-hán không tái sinh đời sau. Đó gọi là Chính kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Thế nào là Chính kiến thuộc về xuất thế gian của bậc thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ, nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo (tư duy Tứ diệu đế), tương ưng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiệt tuệ (thông minh, sáng suốt), quán sát tứ ngộ. Đó là Chính kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chính đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

Theo *Đại tỳ-bà-sa luận*, quyển 97: “Thế nào là Chính kiến? Là vô sanh trí, không nhiếp ý thức, tương ưng với thiện tuệ. Có hai loại: một là hữu lậu, hai là vô lậu. Hữu lậu là Chính kiến thế tục, (như đã nói trước). Vô lậu Chính kiến của bậc vô học, như vô lậu nhẫn, trí”⁽¹⁾.

Tóm lại, Chính kiến có hai loại, hữu lậu và vô lậu. Chính kiến tương ưng với ý thức phân biệt hay thiện huệ hữu lậu gọi là Chính kiến hữu lậu hay Chính kiến thế tục. Còn nhận thức hiện quán của tám loại vô lậu nhẫn cùng với tám loại trí của bậc hữu học và vô học thì gọi là Chính kiến vô lậu.

⁽¹⁾ Vô lậu nhẫn, trí: Do quán Tứ đế mà sinh ra bát nhãn và bát trí vô lậu, cũng có thể được gọi là 16 tâm kiến đạo. Trong bát nhãn, thì bốn nhãn đầu ấn chứng sự kiến đạo Tứ đế ô uế Dục giới, gồm Khô pháp nhãn, Tập pháp nhãn, Diệt pháp nhãn và Đạo pháp nhãn. Bốn nhãn sau ấn chứng sự kiến đạo Tứ đế ở hai cõi Sắc giới và Vô sắc giới, gồm Khô loại nhãn, Tập loại nhãn, Diệt loại nhãn, và Đạo loại nhãn. Dùng tám loại nhãn này để đoạn trừ kiến hoặc trong tam giới. Kiến hoặc đã đoạn, quán chiếu rõ ràng, thì được tám trí, gồm Khô pháp trí, Tập pháp trí, Diệt pháp trí, Đạo pháp trí, Khô loại trí, Tập loại trí, Diệt loại trí và Đạo loại trí. Như vậy, nhãn là nhân, mà trí là quả.

3. Tác dụng của Chính kiến:

Pháp thể gian gian hay xuất thể gian, nói cho cùng cũng chỉ là một chuỗi dài nhân quả tương tục. Gieo nhân thiện nhất định được quả báo thiện. Gieo nhân xấu ác nhất định bị quả báo xấu ác. Vấn đề nhân – quả – quả – nhân vô cùng phức tạp. Cho nên, trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật nói, thế giới chúng sinh là ảnh tượng của một chuỗi dài vô lượng nhân duyên tiếp nối nhau. Nhân biến thành quả, quả lại biến thành nhân, nhân quả tuần hoàn, tương tục. Nếu bỏ đi nhân quả thì chẳng còn pháp gì tồn tại. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, phải thấy được chân tướng sự thật này, thì mới có khả năng thể hội được chân lý “vạn pháp vô thường, vạn pháp nhất như”.

Trong kinh điển Đại thừa đức Phật thường nói: “Tất cả các pháp, hình tướng thì có, nhưng bản thể thì không, nên không thể nắm bắt được”. Những hình danh sắc tướng mà chúng ta đang thấy hiện hữu đây, thực ra chỉ là hình ảnh của một chuỗi dài nhân quả tương tục. Hình ảnh đó tồn tại lâu hay mau còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố mà ta gọi là duyên. Nhân duyên tương tục thì quả báo tương tục. Nếu như hiểu rõ đạo lý này thì tất cả mọi sự lý trong cuộc đời chúng ta có thể suy nghiệm ra được hết. Nhân duyên sai lạc thì quả báo không thể hiện tiền, nó sẽ biến đổi. Đây là sự thật hay là chân lý của cuộc đời và chúng ta phải nhìn thẳng vào bản chất của sự thật này.

Một khi nhận thức đúng sự thật của cuộc đời, chúng ta mới xác định hướng đi đúng đắn cho tương lai mình. Chúng ta học Phật không vì mục đích tìm cầu danh lợi, không để trở thành nhà nghiên cứu. Học Phật là để tự thực tập khả năng tư duy nhạy bén, linh hoạt, để có thể nhìn thẳng vào bản chất của sự sống, nhằm tháo gỡ những khó khăn, những khổ đau do nhận thức sai lầm và tà kiến mang lại.

Trong Bát Chính đạo, Chính kiến và Chính tư duy thuộc về Tuệ học, một trong ba môn học vô lậu Giới, Định, Tuệ. Nói cách khác, Chính kiến là Trí tuệ. Khác với người đời, lấy công danh phú quý, chức tước quyền lực... làm sự nghiệp, người xuất gia lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Đạo Phật là đạo giải thoát, tại sao không lấy giải thoát làm sự nghiệp mà lại lấy trí tuệ?

Bởi vì muốn giải thoát, phải có trí tuệ. Nguyên nhân khiến chúng sanh bị trôi buộc trong tam giới, bị sanh tử luân hồi chỉ phôi là bởi vô minh. Vô minh là không có nhận thức đúng đắn về bản chất của thế giới và con người. Bản chất của thế giới và con người là vô thường, vô ngã. Cho rằng thế giới là thường hằng và hữu ngã, để rồi tham lam, sân hận là ngu si, là vô minh. Chính cái nhận thức vô minh này khiến chúng sanh bị trôi lăn trong sanh tử luân hồi. Do đó, muốn thoát khỏi khổ đau sanh tử luân hồi chỉ còn một cách duy nhất là phá bỏ vô minh, bằng cách học rộng, nghe nhiều để làm tăng trưởng trí tuệ.

Trí tuệ trong nhà Phật có ba loại:

- Nhất thiết trí: Là chỉ cho sự nhận thức, hiểu biết chính xác về bản thể của vũ trụ vạn hữu.
- Đạo chủng trí: Chủng ở đây có nghĩa là nhiều, là phức tạp. Những hiện tượng trong vũ trụ bao la này rất phức tạp, phong phú, đa thù, khó hiểu... Những hiện tượng đó từ đâu mà sanh ra? Rồi sẽ đi về đâu? Quá trình diễn tiến như thế nào? Kết quả ra sao?... Đối với những câu hỏi đó nếu có thể biện giải thông suốt, có thể hiểu biết một cách tường tận, gọi trí tuệ ấy là “Đạo chủng trí”.
- Nhất thiết chủng trí: Tức là dùng một loại trí tuệ mà biết được nhân chủng của tất cả các pháp và tất cả chúng sanh, đồng thời cũng là trí rõ suốt tường vắng lặng và hành loại của các pháp. Trí tuệ hoàn hảo. Trí tuệ hiểu biết một cách trọn vẹn tất cả các pháp.

Làm thế nào để có được loại trí tuệ này? Phải học rộng, nghe nhiều. Học rộng, nghe nhiều ở đây phải là học và nghe những gì để có thể thấy được đặc tính vô thường, vô ngã của cuộc đời. Nói cách khác, cách học trong nhà Phật là rèn luyện ba kỹ năng Văn, Tư, Tu. Nghĩa là phải học rộng nghe nhiều, rồi chiêm nghiệm, tư duy, suy luận một cách sâu sắc để hiểu rõ tường tận về sự và lý, sau đó phải thực hành, phải ứng dụng trong đời sống hằng ngày thì mới có được trí tuệ. Đó là thứ trí tuệ vốn có trong tâm của mỗi chúng sanh. Cái vô minh nó nằm trong tâm của chúng sanh, mà cái minh nó cũng nằm trong tâm của mỗi chúng sanh. Do đó, để chặn đứng dòng chảy của vô minh thì phải làm phát khởi, làm khơi dậy cái minh, cái vô si nơi mỗi con người.

Như vậy, học rộng, nghe nhiều, hay hệ thống giáo dục của Phật giáo, là làm thế nào để phát triển được cái hạt giống trí tuệ, cái minh trong mỗi chúng sanh, trong mỗi con người. Giáo dục của Phật giáo là con đường đưa đến minh. Minh này chính là tự tánh, là Phật tánh nơi mỗi chúng sanh. Chỉ khi nào làm phát khởi được cái minh này, làm cho cái minh này hiển hiện thì lúc đó mới thành tựu biện tài. Đó là mục đích của học rộng, nghe nhiều. Nên nhớ, quảng học đa văn, không có nghĩa là lao đầu vào học hết trường này đến trường khác, không phải đọc hết sách này đến sách khác, chất chứa nhiều tri thức, từ đông tây kim cổ, đến nội ngoại điển đều thông. Mà quảng học đa văn ở đây là Văn, Tư, Tu những gì có thể dẫn đến đoạn diệt phiền não, tiêu diệt các pháp bất thiện, và làm phát khởi hạt giống trí tuệ nơi tâm của mình.

Một khi trí tuệ nơi tâm đã bừng sáng, thì tự nhiên có được khả năng biện tài vô ngại. Biện tài vô ngại chính là tác dụng của trí tuệ. Chính vì thành tựu trí tuệ vô lậu giải thoát, nên có thể giáo hoá tất cả chúng sanh đều được an lạc. Chỉ có trí tuệ vô lậu giải thoát mới có khả năng dẫn dắt chúng sanh đến bến bờ an lạc, giải thoát thật sự. Ngược lại, tất cả những thứ trí tuệ biện tài khác, dù có thể hấp dẫn người nghe, có thể mua vui một vài tràng cười cho thính chúng, rốt cuộc cũng không thể nhổ đi được cái gốc khổ đau phiền não.

4. Kết Luận:

Tóm lại, người đời thì lấy tài sản, địa vị, quyền lực, danh vọng... làm sự nghiệp. Còn người xuất gia theo đạo Phật thì lấy trí tuệ làm sự nghiệp, tức là phải làm phát khởi hạt giống Chính kiến trong tâm thức của chúng ta. Nhưng trí tuệ ở đây không phải là thứ kiến thức thu thập được từ học đường, từ sách vở và gói vào trong mảnh văn bằng, học vị tiến sĩ, cử nhân... Những thứ ấy không dính dáng gì đến cái gọi là trí tuệ trong nhà Phật. Trí tuệ ở đây là sự hiểu biết tất cả các pháp, thấy rõ được bản chất của các pháp. Nói cách khác là thứ trí tuệ thấy được bản chất vô thường, duyên sinh và vô ngã của các pháp. Trí tuệ này là động lực đưa chúng ta tìm cầu cái không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sầu bi, không ô nhiễm. Trí tuệ giải thoát. Giải thoát tất cả mọi sự trói buộc hệ lụy của cuộc đời. Đó mới sự nghiệp của người xuất gia.